TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06** /2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 5 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nghiêm Đình Long
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Vân Anh
Ông Nguyễn Tấn Ngợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Phượng Quý T, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* Bị đơn: Bà Lý Thị B, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và tại các lời khai, nguyên đơn ông Phượng Quý T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lý Thị B chung sống như vợ chồng từ năm 1994 tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang nhưng đến ngày 11/9/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Ông bà đã sống ly thân kể từ cuối năm 2023 cho đến nay. Bà B đi làm ăn ở địa phương khác, ông không biết được địa chỉ và nơi làm việc của bà B, thi thoảng bà B có về nhà.

Từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, ông T xác định không còn tình cảm với bà B và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lý Thị B.

- Về con chung: Ông T xác định ông và bà Lý Thị B có 02 con chung là chị Phượng Thị M sinh ngày 06/7/1993 và anh Phượng Tài L sinh ngày 27/05/1995. Nay 02 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về vay, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Lý Thị B không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà B vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Ông Phượng Quý Thanh vắng M1, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chấp nhận. Bà Lý Thị B vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phượng Quý T:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phượng Quý T được ly hôn với bà Lý Thị B.

- Về con chung: Ông T xác định có 02 con chung là chị Phượng Thị M sinh ngày 06/7/1993 và anh Phượng Tài L sinh ngày 27/05/1995. Nay 02 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động ông T không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông T xác định không có.

- Về nợ chung: Ông T xác định không có.

- Về án phí: Ông T thuộc diện người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Ông T, bà B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B theo quy định, nhưng bà B không đến Toà án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phượng Quý T và bà Lý Thị B đăng ký kết hôn ngày 11/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nay thuộc huyện L, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B là hợp pháp.

Ông T và bà B mâu thuẫn với nhau thời gian dài, vợ chồng chung sống không hòa hợp, nội dung này được gia đình cung cấp và xác nhận. Từ cuối năm 2023, vợ chồng ông bà sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông Phượng Quý T ly hôn với bà Lý Thị B.

- Về con chung: Ông T xác định ông và bà B có 02 con chung là chị Phượng Thị M sinh ngày 06/7/1993 và anh Phượng Tài L sinh ngày 27/05/1995. Nay 02 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động ông T không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông T xác định không có.

- Về nợ chung: Ông T xác định không có.

[3] Về án phí: Ông T thuộc diện người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông T và bà B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phượng Quý T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phượng Quý T được ly hôn với bà Lý Thị B (*Giấy chứng nhận kết hôn số 182, ngày 11 tháng 9 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang*).

[2]. Về án phí: Ông Phượng Quý T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phượng Quý T, bị đơn bà Lý Thị B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND xã Thổ Bình (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nghiêm Đình Long